TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ MỸ THO **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 80/2025/DS-ST
Ngày: 06/5/2025
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản, Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trạng

Bà Đinh Tú Khoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Như Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Lễ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 332/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản, Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2025/QĐST-DS ngày 10/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Liên O, sinh năm 1985

Địa chỉ: số A ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trương Thị Thanh T thuộc đoàn Luật sư tỉnh T (xin vắng)

Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1953 (vắng mặt);

2/ Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1976 (vắng mặt);

3/ Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1979 (vắng mặt);

4/ Bà Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1981 (vắng mặt);

5/ Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1984 (vắng mặt);

6/ Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1986 (vắng mặt);

7/ Bà Nguyễn Thị Hồng T5, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên O là bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Ngày 21/12/2022, bà Nguyễn Thị Liên O có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không có thời hạn vay, khi nào bà O cần thì bà N trả lại vốn, có làm hợp đồng cho vay do bà N viết, ký tên.

Sau khi vay tiền, bà N không trả lãi theo thỏa thuận, hiện nay bà N đã chết, bà O có yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà N gồm: chồng là Nguyễn Văn T1, các con là Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 thay bà N trả vốn và lãi cho bà O nhưng chồng con bà N không đồng ý thực hiện.

Nay bà O yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 liên đới trả cho bà O số tiền: Vốn: 100.000.000 đồng. Lãi suất theo quy định pháp luật 1,66%/tháng tính từ ngày 21/12/2022 đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện là 18 tháng x 1,66%/tháng x 100.000.000 đồng =29.880.000 đồng.

Tổng cộng vốn lãi tạm tính là 129.880.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

Tại bản tự khai ngày 05/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh T4 trình bày:

Mẹ ông (bà Nguyễn Thị N) có vay của bà Nguyễn Thị Liên O số tiền 100.000.000 đồng nhưng đã trả hàng tháng hết số tiền nợ trên. Nay bà O yêu cầu bị đơn trả ông không đồng ý, ông phải về bàn lại với gia đình. Nếu gia đình đồng ý trả thì bà O phải bớt phần lãi và gốc với phần lãi vượt quá quy định pháp luật.

Các bị đơn ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 trả cho bà O số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi 1.66% tính từ ngày 21/12/2022 đến ngày bà N chết (04/6/2023) trong phạm vi di sản bà N chết để lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 trả cho bà Nguyễn Thị Liên O số tiền: Vốn: 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật 1,66%/tháng tính từ ngày 21/12/2022 đến khi bà N chết ngày 04/06/2023. Thực hiện ngày khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy địnhh pháp luật còn các bị đơn thì không thực hiện các quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Liên O, buộc các bị đơn có trách nhiệm trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 21/12/2022 đến khi bà N chết ngày 04/06/2023 trong phạm vi di sản do bà N để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị N trả cho bà O số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi trong phạm vi di sản bà N chết để lại.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản, Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"*.

Các bị đơn ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 được Tòa án triệu tập lần 2 mà vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên tại phiên tòa.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Các bị đơn ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 cư trú tại xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn

Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà O số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/12/2022 đến ngày bà N chết 04/6/2023 trong phạm vi di sản bà N chết để lại. Xét việc thay đổi trên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với Điều 244 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là "*Hợp đồng cho vay tiền*" đề ngày 21/12/2022 có nội dung *"Hôm nay ngày 21/12/2022, Bên A: (bên cho vay) Nguyễn Thị Liên O" " Bên B (bên vay) Nguyễn Thị N*" "*sau khi thoả thuận cùng nhay ký hợp đồng*" "*Điều 1: Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)"* do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bà Nguyễn Thị N. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 05/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh T4 cũng thừa nhận mẹ ông (bà Nguyễn Thị N) có vay của bà Nguyễn Thị Liên O số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định khi còn sống bà N có vay của bà O số tiền 100.000.000 đồng đồng.

[3.2] Theo nguyên đơn trình bày sau khi vay tiền, bà N không trả lãi theo thỏa thuận, bà O đã rất nhiều lần liên hệ nhưng bà N luôn tránh né. Khi bà N chết bà O có liên hệ yêu cầu chồng và các con bà N trả vốn và lãi cho bà O nhưng chồng - con bà N không thực hiện.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Thanh T4 cũng thừa nhận khi còn sống bà N có vay 100.000.000 đồng của bà O nhưng ông T4 cho rằng bà N đã trả hết số nợ trên nhưng ông không có chứng cứ chứng minh và lời trình bày của ông cũng không được phía nguyên đơn chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết các bị đơn ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thị Hồng T5, Nguyễn Thanh T3 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*.

Theo Trích lục khai tử số 144/2024/TLKT-BS ngày 19/7/2024 của UBND xã M (BL32) cung cấp: Bà Nguyễn Thị N, sinh 01/01/1953 chết ngày 04/6/2023. Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự thì "*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/10/2024 Công an xã M (BL33) cho biết: Bà N có cha Nguyễn Văn T6 (đã chết), mẹ Phan Thị B (đã chết), chồng Nguyễn Văn T1, con gồm Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5 và Nguyễn Thanh T3.

Tại Công văn 5099/CNVPĐKĐĐ–ĐKCGCN-LT ngày 17/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M cung cấp hồ sơ cấp giấy đất của bà N trong đó thể hiện. Tại bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 16/01/2024 (BL: 137 – trong các HS cấp giấy) ông T1, P, T2, K, T4, T5, T3 cùng thỏa thuận phân chia, tặng cho di sản của bà N chết để lại, gồm: thửa đất số 674, tờ bản đồ địa chính số 25, diện tích 833,2m², loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số 675, tờ bản đồ địa chính số 25, diện tích 132,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước, cùng địa chỉ ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Nguyễn Thanh T4 và ông T4 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M cấp giấy chứng nhận hai thửa đất trên vào ngày 13/3/2024.

Cũng tại Công văn 5099/CNVPĐKĐĐ–ĐKCGCN-LT ngày 17/12/2024, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M (BL 102) xác định, hiện tại bà Nguyễn Thị N có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05092 đối với thửa đất 174, tờ bản đồ số 25, tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do UBND thành phố M cấp ngày 20/6/2007 (BL 60).

Từ những chứng cứ trên, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N là chồng Nguyễn Văn T1, con gồm Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5 và Nguyễn Thanh T3 trả số tiền nợ vay trong phạm vi di sản bà N chết để lại là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi: Tại "*Hợp đồng cho vay tiền*" đề ngày 21/12/2022 có nội dung "*Điều 2: Thời hạn vay là không thời hạn, khi bên A muốn đòi lại tiền cho vay phải báo trước cho bên B ba mươi ngày*" "*Điều 3: Bên B đồng ý vay số tiền trên với lãi suất 3% một tháng tính từ ngày nhận tiền*". Nguyên đơn trình bày sau khi vay tiền, bà N không trả lãi theo thỏa thuận, phía nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng bà N luôn tránh né. Nhưng ông T1 lại cho rằng lãi suất 5%/tháng và bà N có trả lãi hàng tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh và cũng không được phía nguyên đơn thừa nhận.

Căn cứ vào nội dung "*Hợp đồng cho vay tiền*" nêu trên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi.

Xét tại "*Hợp đồng cho vay tiền*" các bên thoả thuận lãi suất 3%/tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 468 quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác"*. Như vậy, thỏa thuận về lãi suất 3%/ tháng là vượt quá quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần về yêu cầu tính lãi, lãi suất được tính từ ngày 21/12/2022 đến ngày 04/6/2023 (ngày bà N chết) với mức lãi 1.66%/tháng. Tính ra là 5 tháng 14 ngày nhưng phía nguyên đơn làm tròn 5 tháng. Như vậy, tiền lãi sẽ là 100.000.000 đồng x 1.66% x 5 tháng = 8.300.000 đồng. Xét việc thay đổi trên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, và có lợi cho phía bị đơn và phù hợp quy định tại Điều 244, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5 và Nguyễn Thanh T3 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và bài tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 465, 466, 468 và 615 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Liên O đối với những người thừa kế của bà Nguyễn Thị N.

- Buộc những người thừa kế của bà Nguyễn Thị N gồm ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5 và Nguyễn Thanh T3 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Liên O số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 8.300.000 đồng. Tổng cộng là 108.300.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu ba trăm ngàn đồng) trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị N chết để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Hồng K, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Thị Hồng T5 và Nguyễn Thanh T3 phải chịu 5.415.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Liên O đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 3.247.000 đồng theo biên lai thu số 6393 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND TP. Mỹ Tho
- Chi cục THADS TP. Mỹ Tho
- Các đương sự
- Lưu HSAV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Liên